

Số: /2021/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 113/2014/NQ-HĐND ngày 17/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010.*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017.*

*Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch.*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.*

*Xét Tờ trình số 128/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 113/2014/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra số 182/BC-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế và Ngân sách; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung Điều 1 và Phụ lục 2 kèm theo Nghị quyết số 113/2014/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi là Quy hoạch khoáng sản), cụ thể như sau:

1. Bổ sung khoản 6 vào Mục II Điều 1 Nghị quyết số 113/2014/NQ-HĐND quy định thông số về diện tích, tài nguyên dự báo của 101 điểm mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn như sau:

a) Đất san lấp 59 khu vực, diện tích 291,1 ha, tài nguyên dự báo 20.377.000 m<sup>3</sup>;

b) Đá làm vật liệu xây dựng 22 khu vực, diện tích 197,7 ha, tài nguyên dự báo 18.528.300 m<sup>3</sup>;

c) Sét sản xuất gạch 15 khu vực, diện tích 90,11 ha, tài nguyên dự báo 2.703.300 m<sup>3</sup>;

d) Cát làm vật liệu xây dựng thông thường 04 khu vực, diện tích 32,92 ha, tài nguyên dự báo 658.400 m<sup>3</sup>;

e) Than bùn 01 khu vực diện tích 4,37 ha, tài nguyên dự báo 131.100 m<sup>3</sup>.

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

2. Điều chỉnh Phụ lục 2 kèm theo Nghị quyết số 113/2014/NQ-HĐND, loại ra khỏi quy hoạch khoáng sản 02 điểm mỏ với tổng diện tích 18,6 ha, gồm: Mỏ đá thôn 6, xã Hòa Sơn, huyện Krông Bông với diện tích 8,06 ha (số hiệu trong quy hoạch KT-D-87, do chồng lấn quy hoạch khoáng sản cấp quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012); Mỏ đá Cư M' Lan 2, xã Cư M' Lan, huyện Ea Súp với quy mô diện tích là 10 ha (số hiệu trong quy hoạch KT-D-6, do chồng lấn đất an ninh quốc phòng).

3. Các nội dung khác không thay đổi, thực hiện theo Nghị quyết số 113/2014/QĐ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả tại các Kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 3.** Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khóa X, kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 và bãi bỏ các mục có số thứ tự 6 và 87 tại phụ lục 2 kèm theo Nghị quyết số 113/2014/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ TN&MT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở, ngành: TN&MT, CT, XD, TC, KH&ĐT, NN&PTNT, TP, Bộ CHQS tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TP, TX;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH Đắk Lắk;
- Công TTĐT tỉnh, TT Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**

**Y Vinh Tor**